

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/HKDKENMI/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **HỘ KINH DOANH KENMI**

Địa chỉ: Tổ 8 Khu phố Phú Sơn, Phường An Lộc, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0918438768

Fax:

E-mail: hienle.210994bp@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 44I8006706

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **MÌ CAY KENMI**

2. Thành phần:

- Gói mì: Bột lúa mì, dầu cọ, tinh bột khoai tây, gluten lúa mì, muối i-ốt, chiết xuất nấm men, chất làm dày (1420), chất điều chỉnh độ acid (501i, 500i, 451i, 450i, 452ii), chất chống oxy hóa (307b), phẩm màu tổng hợp (101i).

- Gói sốt: Ớt bột, tỏi, muối, nước, đường, chất điều vị (627).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 90 g hoặc theo yêu cầu khách hàng.

- Chất liệu bao bì: nhựa PE, PP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Xuất xứ: Việt Nam

Tên nhà máy: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THẮNG VINA CHILLI SAUCE**

Địa chỉ sản xuất: 42 Hoàng Xuân Hoàn, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

STT	CHỈ TIÊU	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	TSVSVHK trong 1 g sản phẩm	10^6
2	Coliforms trong 1 g sản phẩm	10^3
3	E.coli trong 1 g sản phẩm	10^2
4	S.aureus trong 1 g sản phẩm	10^2
5	Cl.perfringgens trong 1 g sản phẩm	10^2
6	B.cereus trong 1 g sản phẩm	10^2
7	TSBTNM-M trong 1 g sản phẩm	10^3

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tỉnh Bình Phước, ngày 10 tháng 5 năm 2024
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký tên, đóng dấu)


 Lê Thị Phương Hiền

NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

MÌ CAY KENMI

Thành phần:

- Gói mì: Bột lúa mì, dầu cọ, tinh bột khoai tây, gluten lúa mì, muối i-ốt, chiết xuất nấm men, chất làm dày (1420), chất điều chỉnh độ acid (501i, 500i, 451i, 450i, 452ii), chất chống oxy hóa (307b), phẩm màu tổng hợp (101i).

- Gói sốt: Ớt bột, tỏi, muối, nước, đường, chất điều vị (627).

Hướng dẫn sử dụng:

- Đun sôi 400 ml nước.

- Cho vắt mì nấu trong 4 phút.

- Chắt nước, đổ mì ra bát và trộn với gói sốt.

- Ngon hơn khi bạn cho thêm trứng, hành, rau thơm.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và tránh ánh nắng mặt trời.

Thông tin cảnh báo an toàn:

- Sản phẩm có chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ lúa mì.

- Nên chế biến ngay sau khi mở bao gói. Tránh để gần nguồn nhiệt nóng, sản phẩm có mùi mạnh. Không sử dụng sản phẩm quá hạn.

Hạn sử dụng: 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX:

Khối lượng tịnh: 90gam

Xuất xứ: Việt Nam

Tên nhà máy: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THẮNG VINA CHILLI SAUCE

Sản phẩm của: **HỘ KINH DOANH KENMI** – Địa chỉ: Tổ 8 Khu phố Phú Sơn, Phường An Lộc, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Sản xuất tại: 42 Hoàng Xuân Hoàn, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

MÌ CAY KENMI

Chay mắn đến dùng được

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, mát, tránh ánh nắng trực tiếp, sử dụng hết 1 lần sau khi mở bao bì hoặc đậy kín sau khi mở bao bì, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh tối đa 30 ngày.

Hạn sử dụng: 08 tháng kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

Chịu trách nhiệm sản phẩm: **HỘ KINH DOANH KENMI**

Sản phẩm của hộ kinh doanh KENMI

Tổ 8, Khu Phố Phú Sơn, Phường An Lộc, Thị Xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước

Sản xuất tại:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THẮNG VINA CHILLI SAUCE

Địa chỉ: 42 Hoàng Xuân Hoành, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số giấy ATTP: 000427/2018/ATTP-CNDK

Số tự công bố: 01/HKDKENMI/2024

Hotline: 0918438768

Tiktok: Mì Cay KenMi

Fanpage: Mì Cay KenMi

Shopee: Mì Cay KenMi



8 938556 711564

"Nấu 4 phút"
Khối Lượng Tịnh: **90 g**
Net weight

Công Nghệ Hàn Quốc

liên kết chỉ mạng tìm kiếm minh họa



KENMI



MÌ CAY KENMI

Chay mắn đến dùng được



Mì nước



Mì xào



Lẩu



Thành phẩm: Bột lúa mì, dầu cọ, tinh bột khoai tây, gluten lúa mì, muối i-ốt, chiết xuất nấm men, chất làm đầy (1420), chất điều chỉnh độ acid (501i, 500i, 451i, 450i, 452ii), chất chống oxy hóa (307b), phẩm màu tổng hợp (101i).

Hướng dẫn cách nấu:

Dùng nấu mì cay kiểu Hàn, ăn với lẩu: Cho trực tiếp vắt mì vào nước lẩu đun sôi, đợi trong 4 phút và thưởng thức.

Dùng chế biến các món khác (mì xào bò, mì xào hải sản, mì spaghetti, mì cà ri,...): Bỏ vắt mì trong nước sôi 4 phút, vắt ra để xào rồi xào.

Thông tin cảnh báo an toàn: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm. Không sử dụng sản phẩm khi đã hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu ẩm mốc hay ôi dầu.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 8369142577-002

Mã số đăng ký hộ kinh doanh: 4418006706

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 08 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 22 tháng 03 năm 2024

1. Tên hộ kinh doanh: HỘ KINH DOANH KENMI

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Tổ 8 khu phố Phú Sơn, Phường An Lộc, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Chi tiết: quán cà phê giải khát)	5630 (Chính)
2	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)	5610
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn cát, đá)	4663
4	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự (Hộ kinh doanh chỉ được hoạt động kinh doanh sau khi hoàn thành đầy đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh, sản xuất có điều kiện theo đúng qui định của Pháp luật)	1074
5	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Hộ kinh doanh chỉ được hoạt động kinh doanh sau khi hoàn thành đầy đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh, sản xuất có điều kiện theo đúng qui định của Pháp luật)	1075
6	Sản xuất chè (Hộ kinh doanh chỉ được hoạt động kinh doanh sau khi hoàn thành đầy đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh, sản xuất có điều kiện theo đúng qui định của Pháp luật)	1076
7	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Hộ kinh doanh chỉ được hoạt động kinh doanh sau khi hoàn thành đầy đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh, sản xuất có điều kiện theo đúng qui định của Pháp luật)	1079

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 500.000.000 đồng
Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Năm trăm triệu đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: LÊ THỊ PHƯƠNG HIỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 21/10/1994 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân: 070194001282

Ngày cấp: 31/03/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 5 khu phố Phú Thuận, Phường Phú Thịnh, Thị xã Bình Long,
Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 5 khu phố Phú Thuận, Phường Phú Thịnh, Thị xã Bình Long,
Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Đài Thị Bích Liên

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **HỘ KINH DOANH KENMI**

Địa chỉ: Tổ 8 Khu phố Phú Sơn, Phường An Lộc, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Tên mẫu: **MÌ CAY KENMI**

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong túi kín có nhãn

Ngày nhận mẫu: 24/04/2024 Thời gian thử nghiệm: 24/04 - 29/04/2024

Ngày trả kết quả: 29/04/2024

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11 (*)
02	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11 (*)
03	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD=0.4)	Ref. AOAC 2005.08 (HPLC-FLD) (*)
04	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	µg/kg	KPH (LOD=0.4)	Ref. AOAC 2005.08 (HPLC-FLD) (*)
05	Ochratoxin A	µg/kg	KPH (LOD=0.9)	Ref. AOAC 2000.03 (HPLC-FLD) (*)
06	Deoxynivalenol	µg/kg	KPH (LOD=100)	KN/QTH132 (HPLC-DAD) (*)
07	Zearalenone	µg/kg	KPH (LOD=10.0)	Ref. TCVN 9591:2013 (*)
08	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5.0 x 10 ¹	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022 (*)
09	Coliforms	CFU/g	<10	ISO 4832:2006 (*)
10	Escherichia coli	CFU/g	<10	ISO 16649-2:2001 (*)
11	Clostridium perfringens	CFU/g	<10	TCVN 4991:2005 (*)
12	Bacillus cereus	CFU/g	<10	AOAC 980.31 (*)
13	Tổng số bào tử nấm men - nấm mốc	CFU/g	0.05	ISO 21527-2:2008 (*)

KT. Phụ trách RTN

Công Chứng Viên

GIÁM ĐỐC

Lê Nguyễn Hạ My

Lê Thị Thu Hằng ThS. Nguyễn Thị Hồng

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
- Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty / This result shall not be reproduced, partially or fully, unless written approval of company.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
- (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
- KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.



CHỨNG NHẬN

Cấp cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THẮNG VINA CHILLI SAUCE

Số: 42 Hoàng Xuân Hoà, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

EFC International Certification chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức nói trên được đánh giá và tìm thấy phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn hệ thống quản lý sau đây:

Tiêu chuẩn

HACCP Codex 2020

Phạm vi chứng nhận

- Sản xuất, chế biến gia vị các loại, nước chấm, nước sốt;
- Dịch vụ đóng gói thực phẩm.

Ngày phê duyệt ban đầu:

05/01/2023

Chứng nhận dựa trên sự vận hành thoả mãn liên tục của Tổ chức. Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày:

05/01/2026

Để kiểm tra hiệu lực của Giấy chứng nhận vui lòng liên hệ số (+84.28) 38 95 96 95 hoặc quét mã QR Code trên Giấy chứng nhận.

Số giấy chứng nhận: 3202301204

Ngày: 02/01/2023

Ngày cấp: 05/01/2023

TU. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH

Tổ chức chứng nhận Quốc tế EFC



Nguyễn Thị Trà Mi

EFC International Certification

10 th Floor, Pax Sky Building, 51 Nguyen Cu Trinh Street, Distric 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Branch: 24 Van Bao Street, Ba Dinh District, Ha Noi City, Vietnam
Tel: (84.28) 38 95 96 95
Email: info@efcvietnam.com
www.efc.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

Số: 01/KENMI-THUANTHANG/2024

Căn cứ luật Thương mại của Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH 1 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Bộ luật dân sự của Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam số 33/2005/QH 11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên, sau khi thảo luận và xem xét, Hợp đồng này được ký ngày 03/05/2024 tại Văn phòng đại diện tại Tp. HCM Công ty TNHH SX TM DV THUẬN THẮNG VINACHILLISAUCE TPHCM VIỆT NAM

Hôm nay, Ngày 03 tháng 05 năm 2024, các bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THẮNG VINACHILLISAUCE

. Địa chỉ: 42 Hoàng Xuân Hoành Phường Hiệp Tân Quận Tân Phú TPHCM VIỆT NAM

- Mã số thuế: 0312998383

. Điện thoại: (0908.789.682)

. Tài khoản số: 12998383201. NGÂN HÀNG TP BANK. CHI NHÁNH BIÊN HÒA ĐỒNG NAI

- Đại diện: Ông NGÔ THANH BÔI

Chức vụ: Giám đốc.

BÊN B: HỘ KINH DOANH KENMI

- Địa chỉ: Tổ 8 Khu Phố PHÚ SƠN Phường AN LỘC Thị Xã BÌNH LONG Tỉnh BÌNH PHƯỚC VIỆT NAM

- Mã số thuế: 4418006706

- Điện thoại: 0918438768

- Đại diện pháp luật: BÀ LÊ THỊ PHƯƠNG HIỀN

Chức vụ: Chủ cơ sở.

Sau khi bàn bạc, thoả thuận, hai bên đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng thương mại với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cung ứng cho Bên B mặt hàng có tên Mi không gói gia vị 90g mang nhãn hiệu KENMI của bên B. Chi tiết mặt hàng, số lượng và giá cả cụ thể sẽ được thể hiện qua văn bản thoả thuận giữa hai bên và hóa đơn tài chính hợp pháp của bên A khi giao hàng.

Điều 2. GIÁ CẢ

2.1 Bên A giao hàng theo đúng giá theo Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

2.2 Nếu có những thay đổi về giá bán, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến áp dụng mức giá mới.

Điều 3. CHẤT LƯỢNG VÀ QUY CÁCH HÀNG HÓA

3.1 Chất lượng hàng hóa do bên A cung cấp cho bên B sẽ đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

3.2 Bên B có trách nhiệm công bố sản phẩm theo quy định hiện hành. Nội dung công bố phải được hai bên xem xét và thống nhất bằng văn bản. Bên A cung cấp đầy đủ giấy tờ cần thiết do Bên A chịu trách nhiệm đề bên B lập hồ sơ tự công bố sản phẩm theo quy định.

3.3 Nội dung công bố và các thỏa thuận trong trường hợp này không được trái với quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. BAO BÌ, KÝ MÃ HIỆU VÀ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA

4.1 Bên B có trách nhiệm tư vấn và phối hợp với bên A để tìm loại chất liệu bao bì thích hợp, tối ưu nhất cho sản phẩm.

4.2 Bên B chịu trách nhiệm thực hiện thiết kế về tem nhãn sản phẩm và cung cấp bao bì cho bên A đóng gói sản phẩm (gồm bao bì trực tiếp và bao bì bên ngoài - chi phí do bên B chịu). Bên A cung cấp và kiểm tra các thông tin có liên quan đến nhãn sản phẩm trong quá trình thiết kế.

4.3 Bên B chịu trách nhiệm về các khiếu nại liên quan đến những vi phạm quyền sở hữu trí tuệ phát sinh hoặc liên quan đến tem nhãn sản phẩm (gồm bao bì trực tiếp).

4.4 Bên B chịu trách nhiệm kiểm tra thông tin trên nhãn hàng hóa, thực hiện bao bì sản phẩm đúng theo mẫu ký duyệt của bên B. Số lượng nhãn in ấn, bao bì của hàng hóa: chỉ được thực hiện sau khi đã được bên A ký xác nhận bằng văn bản.

4.5 Bên A không được quyền có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến sản phẩm (mẫu mã, quy cách, các thông tin và chất liệu nhãn hiệu, bao bì...) mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên B.

Điều 5. ĐẶT HÀNG VÀ GIAO HÀNG

5.1 Bên B phải đặt hàng sản xuất tối thiểu 200 thùng (90 gói/thùng)

5.2 Bên B phải gửi dự kiến đặt hàng của tháng sau cho bên A vào ngày 20 hàng tháng.

5.3 Sau khi báo cho Bên A dự kiến đặt hàng và giao hàng, Bên A sẽ cung cấp hàng hóa cho bên B trong vòng 15 ngày. Nhưng khi sản xuất bị trì trệ do sự chậm trễ của việc thông quan nguyên liệu hoặc những lý do bất khả kháng thì việc cung cấp có thể chậm trễ hơn. Bên A phải cung cấp bằng văn bản cho Bên B lý do của việc chậm trễ.

5.4 Bên A sẽ giao hàng cho bên B theo thời gian trên với điều kiện Bên B phải thanh toán toàn bộ 100% giá trị đơn hàng sau khi sản xuất và giao hàng đến địa điểm chỉ định của bên B tại Bình Phước.

5.5 Bên A sẽ nhận đơn đặt hàng khi Bên B thanh toán trước 50% giá trị đơn hàng.

Điều 6. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

6.1 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

6.2 Thời gian thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A 50% tổng giá trị đơn hàng đặt sản xuất trước, sau khi hàng đã được sản xuất và giao đến địa điểm Bên B chỉ định tại Bình Phước thì Bên B phải thanh toán 50% tổng giá trị còn lại của đơn hàng sau khi bên B kiểm tra hàng.

6.3 Các ngày thanh toán nêu trên nếu trùng vào các ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết thì việc thanh toán sẽ được thanh toán vào ngày trước đó.

Điều 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI BÊN

7.1 Quyền và nghĩa vụ Bên A

a) Bên A cũng phối hợp với Bên B để thực hiện các công việc phù hợp nhằm đạt được hiệu quả cao trong việc cung cấp các dịch vụ như đã đề cập tại Điều 1 của Hợp đồng này.

b) Bên A đảm bảo cung ứng cho bên B đầy đủ và kịp thời các hàng hóa mang nhãn hiệu riêng của bên B.

c) Bên A không được kinh doanh cũng như không được phép cung cấp những mặt hàng có tiêu chuẩn cơ sở, mẫu mã, trọng lượng, quy cách, ... giống như hàng hóa cung ứng cho bên B mang nhãn hiệu riêng của bên B cho bất kỳ đối tác nào khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của bên B.

d) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn khi chất lượng của sản phẩm không đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm (ATTP) theo các quy định của pháp luật hiện hành (Luật An toàn thực phẩm, các Nghị định, Thông tư, Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn có liên quan,...) nếu do lỗi từ phía nhà sản xuất.

e) Bên A phải bảo đảm việc sản xuất, đóng gói thực phẩm được thực hiện bằng quy trình công nghệ đủ chuẩn theo các quy định bắt buộc của pháp luật về ATTP (cơ sở phải có chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các chứng nhận tương đương trở lên như HACCP, ISO,...). Đồng thời có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ, giấy tờ hợp lệ chứng minh về quyền được sản xuất hàng hóa (Giấy đăng ký kinh doanh), chứng nhận về điều kiện đảm bảo ATTP (ISO, HACCP, Giấy đủ điều kiện ATTP,...), phiếu kiểm nghiệm mẫu thực phẩm định kỳ (01 năm/lần) và các giấy tờ cần thiết có liên quan.

7.1 Quyền và nghĩa vụ Bên B

a) Có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sản phẩm gồm: tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của bên A, các quy trình sản xuất sản phẩm, nguồn nguyên phụ liệu... và các điều khoản quy định trong Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) với bên A.

b) Bên B có quyền được thể hiện thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP hoặc Tiêu chuẩn về ATTP của bên A trên bao bì của bên B (do hàng hóa của bên B được sản xuất bằng quy trình công nghệ của bên A).

c) Bên B có trách nhiệm bảo quản và tiêu thụ hàng hóa khi đã nhận từ bên A.

d) Thanh toán tiền hàng đúng theo quy định tại Hợp đồng này.

e) Bên B toàn quyền sở hữu nhãn hiệu riêng của bên A đối với sản phẩm do hai bên hợp tác.

f) Bên B không được uỷ nhiệm bất cứ quyền chuyển nhượng hay chuyển giao, uỷ thác hoặc giao Hợp đồng phụ đối với việc thi hành bất cứ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng này khi không có được sự chấp nhận trước đó bằng văn bản của Bên A.

Điều 8. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

8.1. Trường hợp bất khả kháng xảy ra có thể là những hiện tượng như: thiên tai (bão, lụt, động đất...) dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam sau ngày ký kết Hợp đồng.

8.2. Bên gặp sự cố phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia nói rõ dùng những phương pháp nào để khắc phục bất khả kháng và các lý do của việc trì hoãn một phần hay toàn bộ Hợp đồng này.

8.3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xảy ra bất khả kháng, các bên phải tổ chức cuộc họp để kiểm tra và quyết định việc sửa đổi Hợp đồng liên quan đến sự kiện bất khả kháng làm cho Hợp đồng không thực hiện được và sẽ quyết định xem liệu bên liên quan đó có được miễn toàn bộ trách nhiệm ghi trong Hợp đồng này hay không, hay là bên đó phải chịu một phần trách nhiệm của Hợp đồng này.

8.4. Khi sự kiện bất khả kháng kết thúc, các bên tiếp tục thực hiện Hợp đồng nếu không có thỏa thuận khác.

Điều 9. BẢO MẬT

9.1. Mỗi Bên phải giữ bí mật nội dung của Hợp đồng này và bất kỳ thông tin nào nhận được từ Bên kia liên quan đến Hợp đồng này và sẽ không tiết lộ các nội dung và thông tin này cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ khi phải cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc của cơ quan có thẩm quyền.

9.2. Điều khoản này tiếp tục có hiệu lực vô thời hạn kể từ khi chấm dứt hiệu lực Hợp đồng vì bất kỳ lý do gì.

Điều 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG VÀ CAM KẾT

10.1 Nếu bất cứ điều khoản nào trong Hợp đồng này trở thành bất hợp pháp hay không có hiệu lực thi hành vì bất cứ lý do nào thì giá trị pháp lý của những điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng.

10.2 Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản trong Hợp đồng này. Nếu có bất kỳ khó khăn hay thay đổi nào trong việc thực hiện Hợp đồng, hai bên phải bàn bạc thảo luận để tìm ra giải pháp. Bất kỳ sự đơn phương sửa đổi nào trong Hợp đồng này đều vô hiệu. Trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu thảo luận, nếu các bên không tự giải quyết được thì đưa vụ việc ra toà án kinh tế có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của toà là phán quyết cuối cùng và bắt buộc với các bên. Chi phí khởi kiện do bên thua chịu.

10.3 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam, nếu có bất cứ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Hợp đồng này nhưng không có điều khoản điều chỉnh thì sẽ áp dụng tập quán, pháp luật Việt Nam để điều chỉnh, hai bên có trách nhiệm thực hiện. Bất cứ tranh chấp nào phát sinh theo Hợp đồng mà không thông qua hòa giải, thương lượng hữu nghị giữa các bên trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu thảo luận, thì tranh chấp đó có thể được một trong các bên trình lên các Tòa án kinh tế có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết.

10.4 Trong trường hợp một trong hai bên có hành vi vi phạm trong Hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện thì ngoài việc bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm còn phải bị phạt vi phạm (mức phạt theo quy định pháp luật).

Điều 11. HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

11.1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

11.2. Trường hợp Hợp đồng được tái ký với NCC thì Hợp đồng trước đó mặc nhiên được thanh lý sau khi các bên đã thực hiện xong các nghĩa vụ nêu tại Hợp đồng này.

11.3. Trường hợp Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng này thì Hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

11.4. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, giống nhau về hình thức và nội dung, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để theo dõi và thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)



ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký tên, đóng dấu)

Handwritten signature and text: "Gửi phòng Nhân"